

Số: 2377 /SNN-QBVPTR

Yên Bái, ngày 14 tháng 11 năm 2022

V/v thực hiện hướng dẫn sử dụng tiền bảo vệ rừng đối với cộng đồng dân cư thôn/bản theo Công văn số 497/SNN-CCKL ngày 05/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 497/SNN-CCKL hướng dẫn giao khoán bảo vệ rừng và sử dụng tiền bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Nhằm cụ thể hướng dẫn tại Mục 2, Phần I, Chương III Công văn 497/SNN-CCKL về quản lý, sử dụng tiền bảo vệ rừng đối với cộng đồng dân cư thôn/bản từ các nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác bảo vệ rừng, tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, đồng bộ và hiệu quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phối hợp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng hướng dẫn các thôn/bản thực hiện một số nội dung sau:

1. Cộng đồng thôn/bản là chủ rừng<sup>1</sup> hoặc có nhận khoán bảo vệ rừng với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng tổ chức họp thôn/bản để xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch có sự đồng thuận của người dân (*tham khảo mẫu số 01, mẫu số 02 kèm theo công văn này*).

2. Hằng năm, căn cứ vào số tiền bảo vệ rừng được chi trả, Quy chế quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng, cộng đồng thôn/bản tổ chức họp dân để thống nhất việc sử dụng tiền (xây dựng kế hoạch sử dụng tiền), lập biên bản họp dân (*tham khảo mẫu số 03 kèm theo công văn này*), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kết quả họp dân và thực hiện chi tiêu theo kế hoạch sử dụng tiền đã được thống nhất dưới sự giám sát của cộng đồng và Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng có khoán bảo vệ rừng.

3. Ban quản lý rừng cộng đồng thôn/bản đại diện cộng đồng dân cư thôn/bản để tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng, mở sổ sách ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi đảm bảo công khai, minh bạch (*tham khảo mẫu số 04 kèm theo công văn này*) và chịu sự kiểm soát, kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng có khoán bảo vệ rừng.

<sup>1</sup> Cộng đồng dân cư thôn/bản là chủ rừng khi được cấp có thẩm quyền quyết định giao rừng, cho thuê rừng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về tài chính cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ các quy định về quản lý tài chính cấp thôn/bản hướng dẫn chi tiết về hồ sơ, chứng từ chi tiền bảo vệ rừng lưu trữ tại thôn/bản làm căn cứ cho các thôn/bản tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch có sự đồng thuận của người dân, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và đúng quy định của pháp luật (lưu ý: tiền bảo vệ rừng của cộng đồng dân cư thôn/bản là tiền công bảo vệ rừng).

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quan tâm chỉ đạo thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh Yên Bái (B/c);
- Các đ/c lãnh đạo Sở NN&PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;
- Các Ban quản lý rừng Đặc dụng, Phòng hộ;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu số 01

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng thôn/bản.....**  
**xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái**

*(áp dụng cho cộng đồng dân cư thôn/bản nhận khoán bảo vệ rừng)*

Quy chế được xây dựng và thông qua cuộc họp ngày .... tháng ..... năm ..... giữa Ban quản lý rừng cộng đồng thôn/bản ..... (sau đây gọi tắt là Ban quản lý rừng), hộ gia đình, cá nhân và đại diện UBND xã .....

**Chương 1**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế quy định quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng của thôn/bản ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái.
2. Quy chế được áp dụng cho các hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng dân cư thôn/bản ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Quy chế được xây dựng và thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến đóng góp người dân trong cộng đồng dân cư thôn/bản và được tổ chức thực hiện bởi Ban quản lý rừng đảm bảo công khai, minh bạch bằng hình thức biểu quyết và quyết định theo đa số.
2. Quy chế được xây dựng dựa trên nguyên tắc **Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và công khai minh bạch.**
3. Ban quản lý rừng và các thành viên tổ bảo vệ rừng làm việc tự nguyện và chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc được giao.
4. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của thôn/bản mà Ban quản lý rừng tổ chức họp dân lấy ý kiến để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế và kiện toàn nhân sự Ban quản lý rừng cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thôn/bản.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Rừng nhận khoán bảo vệ của cộng đồng dân cư thôn/bản là diện tích rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng hoặc diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê hiện do Ủy ban nhân dân xã quản lý được thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng với cộng đồng dân cư thôn/bản.

2. Ban quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn/bản là tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư thôn/bản, được Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập theo đề nghị của cộng đồng dân cư thôn/bản.

3. Bảo vệ rừng là bảo vệ hệ sinh thái rừng, bảo vệ các loài động thực vật rừng nguy cấp quý hiếm và phòng cháy chữa cháy rừng.

4. Tiền bảo vệ rừng là số tiền hàng năm cộng đồng dân cư thôn/bản nhận được từ việc nhận khoán bảo vệ rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng chi trả tiền công bảo vệ rừng hoặc tiền hỗ trợ bảo vệ rừng do ngân sách nhà nước đảm bảo thông qua các chương trình, dự án.

## **Chương 2**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN BẢO VỆ RỪNG HÀNG NĂM**

**Điều 4. Tỷ lệ trích lập các khoản chi của cộng đồng nhận được hàng năm.**

1. Chi cho các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

Tỷ lệ trích lập: .....% hoặc quy định cụ thể tiền công 01 ngày tuần tra bảo vệ rừng, mức cụ thể do cộng đồng quyết định.

2. Chi cho việc sử dụng các hoạt động chung trong cộng đồng hoặc trích lập quỹ thôn/bản.

Tỷ lệ trích lập: .....% hoặc là số tiền còn lại sau khi trừ tổng số tiền công tuần tra bảo vệ rừng quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Quy định nội dung chi**

1. Chi tiền công tuần tra bảo vệ rừng (theo bảng chấm công hàng tháng, quý, năm)

2. Chi cho việc sử dụng các hoạt động chung trong cộng đồng (nội dung chi, mức chi các hạng mục do cộng đồng thống nhất, quyết định được thể hiện rõ ràng trong biên bản cuộc họp thống nhất việc sử dụng tiền bảo vệ rừng hàng năm).

**Điều 6. Quản lý, sử dụng tiền theo kế hoạch sử dụng tiền hàng năm**

1. Ban quản lý rừng mở tài khoản ngân hàng để tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền đảm bảo an toàn, công khai và minh bạch.

2. Ban quản lý rừng mở sổ sách ghi chép đầy đủ, cụ thể các khoản thu, chi theo kế hoạch sử dụng tiền hàng năm; định kỳ công khai với người dân trong cộng đồng tại những cuộc họp thôn/bản.

## **Chương 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Giám sát, tổ chức các buổi họp**

1. Giám sát thực hiện quy chế được thực hiện bởi:

- Tất cả các hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng thôn/bản, Bí thư chi bộ và Ban công tác mặt trận thôn/bản.

- UBND cấp xã hoặc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng hoặc cấp có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát.

2. Tổ chức các cuộc họp:

- Ban quản lý rừng tổ chức họp thống nhất và chuẩn bị các nội dung để lấy ý kiến người dân trong cộng đồng dân cư.

- Ban quản lý rừng tiến hành họp thôn để lấy ý kiến đồng thuận và thông báo công khai các nội dung chi để người dân biết, giám sát.

- Các cuộc họp thôn/bản phải đảm bảo số người họp theo quy định và được ghi chép thành biên bản hoặc ghi chép trong sổ họp thôn/bản.

**Điều 8. Hiệu lực và thực hiện**

- Quy chế có hiệu lực từ ngày các bên nhất trí thông qua và được UBND xã xác nhận.

- Quy chế này phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư thôn/bản./.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA UBND  
CẤP XÃ.....**

**TM. BQL RỪNG  
TRƯỞNG BAN  
(Ký, ghi rõ họ tên)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu số 02

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng thôn/bản.....**  
**xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái**  
*(áp dụng cho cộng đồng dân cư thôn/bản là chủ rừng<sup>2</sup>)*

Quy chế được xây dựng và thông qua cuộc họp ngày .... tháng ..... năm ..... giữa Ban quản lý rừng cộng đồng thôn/bản ..... (sau đây gọi tắt là Ban quản lý rừng), hộ gia đình, cá nhân và đại diện UBND xã .....

**Chương 1**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế quy định quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng của thôn/bản ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái.
2. Quy chế được áp dụng cho các hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng dân cư thôn/bản ....., xã ....., huyện ....., tỉnh Yên Bái.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Quy chế được xây dựng và thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến đóng góp người dân trong cộng đồng dân cư thôn/bản và được tổ chức thực hiện bởi Ban quản lý rừng đảm bảo công khai, minh bạch bằng hình thức biểu quyết và quyết định theo đa số.
2. Quy chế được xây dựng dựa trên nguyên tắc **Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và công khai minh bạch.**
3. Ban quản lý rừng và các thành viên tổ bảo vệ rừng làm việc tự nguyện và chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc được giao.
4. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của thôn/bản mà Ban quản lý rừng tổ chức họp dân lấy ý kiến để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế và kiện toàn nhân sự Ban quản lý rừng cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thôn/bản.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Rừng do cộng đồng dân cư thôn/bản quản lý, bảo vệ là diện tích rừng được cấp có thẩm quyền giao; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thôn/bản theo quy định của pháp luật.

<sup>2</sup> Cộng đồng dân cư thôn/bản là chủ rừng khi được cấp có thẩm quyền quyết định giao rừng, cho thuê rừng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng, áp dụng mẫu này.

2. Ban quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn/bản là tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư thôn/bản, được Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập theo đề nghị của cộng đồng dân cư thôn/bản.

3. Bảo vệ rừng là bảo vệ hệ sinh thái rừng, bảo vệ các loài động thực vật rừng nguy cấp quý hiếm và phòng cháy chữa cháy rừng.

4. Tiền bảo vệ rừng là số tiền hàng năm cộng đồng dân cư thôn/bản nhận được từ tiền dịch vụ môi trường rừng do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng chi trả hoặc tiền hỗ trợ bảo vệ rừng do ngân sách nhà nước đảm bảo thông qua các chương trình, dự án.

## **Chương 2**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN BẢO VỆ RỪNG HÀNG NĂM**

**Điều 4. Tỷ lệ trích lập các khoản chi của cộng đồng nhận được hằng năm.**

1. Chi cho các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

Tỷ lệ trích lập: .....% hoặc quy định cụ thể tiền công/ngày tuần tra bảo vệ rừng, mức cụ thể do cộng đồng quyết định

2. Chi cho việc sử dụng các hoạt động chung trong cộng đồng hoặc trích lập quỹ thôn/bản.

Tỷ lệ trích lập: .....% hoặc là số tiền còn lại sau khi trừ tổng số tiền công tuần tra bảo vệ rừng quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Quy định nội dung chi**

1. Chi tiền công tuần tra bảo vệ rừng (theo bảng chấm công hàng tháng, quý, năm)

2. Chi cho việc sử dụng các hoạt động chung trong cộng đồng (nội dung chi, mức chi các hạng mục do cộng đồng thống nhất, quyết định được thể hiện rõ ràng trong biên bản cuộc họp thống nhất việc sử dụng tiền bảo vệ rừng hằng năm).

**Điều 6. Quản lý, sử dụng tiền theo kế hoạch sử dụng tiền hằng năm**

1. Ban quản lý rừng mở tài khoản ngân hàng để tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền đảm bảo an toàn, công khai và minh bạch.

2. Ban quản lý rừng mở sổ sách ghi chép đầy đủ, cụ thể các khoản thu, chi theo kế hoạch sử dụng tiền hằng năm; định kỳ công khai với người dân trong cộng đồng tại những cuộc họp thôn/bản.

## **Chương 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Giám sát, tổ chức các buổi họp**

1. Giám sát thực hiện quy chế được thực hiện bởi:

- Tất cả các hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng thôn/bản, Bí thư chi bộ và Ban công tác mặt trận thôn/bản.

- UBND xã và cấp có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát.

2. Tổ chức các cuộc họp:

- Ban quản lý rừng tổ chức họp thống nhất và chuẩn bị các nội dung để lấy ý kiến người dân trong cộng đồng dân cư.

- Ban quản lý rừng tiến hành họp thôn để lấy ý kiến đồng thuận và thông báo công khai các nội dung chi để người dân biết; giám sát.

- Các cuộc họp thôn/bản phải đảm bảo số người họp theo quy định và được ghi chép thành biên bản hoặc ghi chép trong sổ họp thôn/bản.

**Điều 8. Hiệu lực và thực hiện**

- Quy chế có hiệu lực từ ngày các bên nhất trí thông qua và được UBND xã xác nhận.

- Quy chế này phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư thôn/bản./.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA UBND  
CẤP XÃ.....**

**TM. BQL RỪNG  
TRƯỞNG BAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP THÔN**

**Về việc thống nhất việc sử dụng tiền bảo vệ rừng năm .....**

Căn cứ thông báo số ..... ngày.....tháng ..... năm của ..... hoặc căn cứ số tiền bảo vệ rừng nhận được từ Ủy ban nhân dân xã hoặc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

Căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng tiền bảo vệ rừng ngày.... tháng.... năm..... của cộng đồng dân cư thôn/bản;

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại thôn ..... xã ....., huyện ..... họp thôn/bản thống nhất kế hoạch sử dụng tiền bảo vệ rừng năm ....., cụ thể như sau:

- Chủ trì cuộc họp: Ông/bà: ..... - Chức vụ: .....

- Thư ký cuộc họp: Ông/bà: ..... - Chức vụ: .....

**I. Thành phần tham gia**

1. Đại diện chi bộ hoặc Ban công tác mặt trận của thôn/bản

- Ông/bà: ..... - Chức vụ: .....

2. Tổng số hộ gia đình tham gia họp ...../.....tổng số hộ của thôn (có danh sách các hộ dân tham gia họp kèm theo)

**II. Nội dung cuộc họp**

Thống nhất việc sử dụng tiền bảo vệ rừng của cộng đồng thôn/bản năm ..... và tiền tồn của năm trước chuyển sang (nếu có)

**III. Kết quả cuộc họp**

Sau khi họp, bàn và lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân trong thôn/bản thống nhất số tiền bảo vệ rừng của thôn sẽ được sử dụng theo kế hoạch như sau:

STT	Nội dung chi	Số tiền sử dụng trong năm (đồng)	Ghi chú
I	Tổng số tiền tồn năm trước chuyển sang (nếu có)	.....	
II	Tổng số tiền công bảo vệ rừng năm 202.....	.....	
*	Tổng số tiền được sử dụng trong năm (I+II)	.....	
III	Thống nhất việc sử dụng tiền	.....	

<b>III</b>	<b>Thống nhất việc sử dụng tiền</b>	.....	
1	Tiền công tuần tra bảo vệ rừng	.....	
2	Trích lập quỹ thôn/bản hoặc chi các hoạt động chung trong cộng đồng, gồm:	.....	
-	...		
-	...		
-	...		
	<b>Tổng cộng</b>	...	

Tổng số biểu quyết thống nhất với kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng là: 100 %.

Cuộc họp kết thúc vào ..... giờ ..... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và ký tên xác nhận.

Biên bản này được niêm yết công khai tại nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng dân cư thôn/bản để người dân theo dõi, giám sát./.

**Thư ký**

**Chủ trì cuộc họp**

**Đại diện chi bộ hoặc  
Ban công tác mặt trận**

**SỔ GHI CHÉP THU, CHI TIỀN BẢO VỆ RỪNG**  
**CỦA CỘNG ĐỒNG THÔN/BẢN.....**  
**XÃ....., HUYỆN.....**

## HƯỚNG DẪN VIẾT

### SỔ GHI CHÉP THU, CHI TIỀN BẢO VỆ RỪNG CỦA CỘNG ĐỒNG THÔN/BẢN

1. Sổ ghi chép thu, chi tiền bảo vệ rừng được lập để ghi chép các nội dung thu, chi tiền bảo vệ rừng của cộng đồng thôn/bản theo kế hoạch sử dụng tiền hàng năm đã được thống nhất, đồng thuận trong cộng đồng thôn/bản

2. Sổ ghi chép được ghi theo từng năm. Cuối năm, chốt số tiền tồn tại cuối trang và chuyển số tiền tồn sang trang sau ghi vào cột số (5) để tiếp tục theo dõi ghi chép cho năm tiếp theo (*ghi là tiền tồn năm trước chuyển sang*).

3. Sổ ghi chép do Trưởng ban quản lý và Thủ quỹ hoặc Thư ký Ban quản lý chịu trách nhiệm theo dõi, ghi chép các nội dung thu, chi của cộng đồng và công khai, minh bạch Sổ thu chi này với cộng đồng thôn/bản. Sổ ghi chép này được lưu trữ tại thôn bản (*Trưởng ban quản lý, Thủ quỹ hoặc Thư ký Ban quản lý có trách nhiệm lưu trữ, quản lý*) để phục vụ công tác kiểm tra của cấp có thẩm quyền và giám sát của người dân trong thôn, bản.

4. Sổ ghi chép gồm 07 cột, được đánh số lần lượt từ (1) đến (7), cách viết sổ ghi chép cụ thể như sau:

- Cột số (1): Ghi ngày tháng của nội dung thu, chi phát sinh tại thời điểm đó: *thu ngày nào, chi ngày nào thì ghi ngày tại thời điểm thu, chi đó.*

- Cột số (2): Ghi diễn giải nội dung thu, chi tiền (*tiền tồn năm trước chuyển sang, khi nhận tiền về nhập quỹ và khi chi tiền ra thì ghi rõ chi cho việc gì, chi cho ai...*)

- Cột số (3): Ghi số tiền thu vào

- Cột số (4): Ghi số tiền chi ra

- Cột số (5): Ghi số tiền tồn tại thời điểm thu, chi: Thu - chi = tồn

- Cột số (6): là cột ký nhận của người nộp tiền vào hoặc nhận tiền khi rút tiền về, khi trả lại tiền thừa chi không hết hoặc của người nhận tiền để chi việc gì tương ứng với nội dung diễn giải thì đều phải ký nhận, ghi rõ họ tên

- Cột số (7): cột ghi chú là để ghi bổ sung các nội dung cần diễn giải cho chi tiết khác

Xã.....

Ban quản lý rừng cộng đồng thôn/bản .....

**SỔ GHI CHÉP THU, CHI TIỀN BẢO VỆ RỪNG  
NĂM.....**

Ngày, tháng ghi số	Diễn giải nội dung thu, chi	Số tiền (đồng)			Người nhận tiền hoặc nộp tiền ký nhận (Ký, ghi rõ họ và tên)	Ghi chú
		Thu	Chi	Tồn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

....., ngày.....tháng..... năm.....

**Thủ Quỹ/ Thư ký Ban quản lý**  
(Ký và ghi rõ họ và tên)

**Trưởng ban quản lý**  
(Ký và ghi rõ họ và tên)